TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8- HƯNGYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hanh Phúc**

Bản án số: 99/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19-5-2026
V/v "ly hôn giữa chị Duyên và anh Hưng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Trần Thị Nhàn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Văn Luân
2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 19-5-2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026 về "Ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:
Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1996.
Địa chỉ: thôn Q, xã P, Thành phố Hà Nội.
Bị đơn: anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1990.
Địa chỉ: thôn H, xã D, tỉnh Hưng Yên.
(chị D và anh H đều có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai các ngày 18/3/2026 và ngày 10/4/2026 người khởi kiện chị Nguyễn Thị D trình bày: chị kết hôn với anh H là do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã T, huyện M, Thành phố Hà Nội (nay là xã P, Thành phố Hà Nội) vào ngày 18/4/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau, vợ chồng không tin tưởng nhau, dần dần lạnh nhạt tình cảm. Vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 12/2022 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án nhân dân (TAND) khu

vực 8 - Hưng Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 17/9/2014 và Nguyễn Kim N, sinh ngày 23/12/2017, từ khi vợ chồng sống ly thân chị là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, chị xin nuôi con hoàn toàn, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/4/2026 và ngày 29/4/2026 bị đơn anh Nguyễn Ngọc H trình bày: về điều kiện kết hôn như chị D trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau và sống ly thân từ tháng 12/2022 đến nay. Nay chị D xin ly hôn anh, anh cũng đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh và chị D được ly hôn. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 17/9/2014 và Nguyễn Kim N, sinh ngày 23/12/2017. Từ khi vợ chồng sống ly thân do D là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con. Khi ly hôn anh đồng ý để chị D nuôi cả 02 con, chị D không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh cũng đồng ý. Về tài sản chung, nợ chung: không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của 02 cháu Nguyễn Kim N và cháu Nguyễn Phương A: Nếu bố, mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của 02 cháu đều xin được ở với mẹ D.

Tại phiên tòa, trước khi Hội đồng xét xử nghị án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho ly hôn giữa chị D và anh H; về con chung: giao cháu N và cháu A cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: chị D, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên nhận định:

[1] *Về tố tụng*: chị D khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh H, trú tại thôn H, xã D, tỉnh Hưng Yên; Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên. Chị D và anh H đều có đơn xin xử vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: chị D, anh H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, Thành phố Hà Nội (nay là xã P, Thành phố Hà Nội) vào ngày 18/4/2014, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng hay cãi cọ nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2022 đến nay. Chị D xin ly hôn anh H cũng nhất trí vì tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy cần xử cho ly hôn giữa chị D và anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là là Nguyễn Phương A, sinh ngày 17/9/2014 và Nguyễn Kim N, sinh ngày 23/12/2017. Chị D xin nuôi cả 02 con anh H cũng đồng ý, chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hội đồng xét xử thấy, từ khi vợ chồng ly thân 02 con do chị D nuôi dưỡng, hơn nữa nguyện vọng của cháu N và cháu A cũng đều xin được ở với chị D. Vì vậy, cần chấp nhận sự thoả thuận của chị D và và anh H, giao 02 con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: chị D và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: chị D phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. ***Về hôn nhân***: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Ngọc H.

2. ***Về con chung***: Giao chị D trực tiếp nuôi 02 con là là Nguyễn Phương A, sinh ngày 17/9/2014 và Nguyễn Kim N, sinh ngày 23/12/2017. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. ***Về tài sản chung, nợ chung***: không xem xét giải quyết.

4. ***Về án phí***: chị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001277 ngày 18-3-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

5. **Về quyền kháng cáo**: chị D, anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 8 - Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Phúc Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Nhàn